

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/12/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+MRM+RC3	7:25	7+11+0	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
2		MRM+VSP02	7:25	13+5	0+0		12+10	0+0	
3		SAVR+PVD8	9:25	0+15	0+0		5+17	0+0	chuyen 1 savr- pvd8
4		P11+PVD8	9:25	2+12	0+0		3+19	0+0	
5		TD5+P7+P10	11:25	10+8+2	0+0+0		1+12+9	0+0+0	
6		BK9+RP1+RP3	11:25	2+2+9	0+0+0		0+10+12	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - MRM - RC3	CREW: VIỆT - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/5162	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BA SON	P9	42-43	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	P9	58	1	12	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HOA	P9	44	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO TRONG LUONG	P9	47	1	10	1	15	61	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TÂN	P9	45-46	2	15			64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC TUẤN	P9	49	1	10	1	15	83	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ XUÂN KHOE	P9	59-61	3	20			67	XAYLAP	Vietnamese
8	POLIAK GENNADII	MRM	46	1	5			128	ПБИКРС	Russian
9	BORIS PANKOV	MRM	47	1	10			93	HALIBUR	Russian
10	EREMEEV EVGENII	MRM	40	1	18			98	KHOAN	Russian
11	TIKHONOV EVGENY	MRM						110	AMHGP	Russian
12	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	41-42	2	18			86	AMHGP	Russian
13	CHIRKIN DANIL	MRM	36	1	10	1	14	69	AMHGP	Russian
14	BARANOVSKII ANDREI	MRM	38	1	13			59	AMHGP	Russian
15	ZUL HERRY HARAHAP	MRM	48-49	2	16			75	BAKER HUC	Indonesian
16	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	45	1	9			84	AMHGP	Russian
17	VORONOCHKIN VITALII	MRM	43-44	2	11			95	AMHGP	Russian
18	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	39	1	9			94	AMHGP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	7	470	11	101	3	45	1		
2	MRM	11	991	13	119	1	14	15		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.461</b>	<b>24</b>	<b>220</b>	<b>4</b>	<b>59</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.461</b>		<b>220</b>		<b>59</b>			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO:MRM - VSP02	CREW: HUNG - NPHU - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/5165	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SHCHETININ IVAN	MRM	35-36	2	20			79	AMHGP	Russian
2	KAREBIN SPARTAK*	MRM	40-41	2	11			105	AMHGP	Russian
3	ANOSOV VLADIMIR*	MRM	37	1	8			93	AMHGP	Russian
4	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	47-48	2	15			91	AMHGP	Russian
5	BAROV VALERII*	MRM	49-50	2	11			77	AMHGP	Russian
6	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	42-43	2	19			92	AMHGP	Russian
7	GRITSENKO VLADIMIR*	MRM	38-39	2	19			83	AMHGP	Russian
8	KHATIPOV RUSLAN*	MRM	33-34	2	16			73	AMHGP	Russian
9	NIKOLAEV OLEG	MRM	44-46	3	15			85	AMHGP	Russian
10	SHURUPOV PAVEL	MRM	28	1	15			86	AMHGP	Russian
11	KOSTRYKIN ALEKSANDR*	MRM	29-30	2	18			79	AMHGP	Russian
12	SPIRIN VASILII*	MRM	31-32	2	20			100	AMHGP	Russian
13	PHAN QUYET CHIEN	MRM	51	1	8			67	AMHGP	Vietnamese
14	ĐO XUÂN CÔNG	VSP02	98	1	14			52	SGC	Vietnamese
15	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	02	1	6	5	60	80	PSV	Vietnamese
16	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	800	1	12			69	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN TRUNG	VSP02	99	1	9			87	PSV	Vietnamese
18	TRAN CHINH CUONG	VSP02	01	1	9			74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	13	1.110	24	195	0	0	12		
2	VSP02	5	362	5	50	5	60	10		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.472</b>	<b>29</b>	<b>245</b>	<b>5</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.472</b>		<b>245</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LAI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:SAVR- PVD8	CREW: QVIỆT - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/5163	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TÂN HIẾU	PVD8	93-94	2	13	4	28	51	PVD LOGG	Vietnamese
2	ĐÌNH TÂN VINH*	PVD8	95-96	2	10			52	PVD LOGG	Vietnamese
3	THAN HOANG GIANG*	PVD8	97-98	2	10			62	PVD LOGG	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	99	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ ANH HIẾU*	PVD8	92	1	16			61	SCHLUMBE	Vietnamese
6	SOMPORN ARDTAS	PVD8	80	1	10	1	14	93	SCHLUMBE	Thailand
7	VŨ VĂN TRỌNG	PVD8	83	1	5			69	PVD DD	Vietnamese
8	PHẠM TẤT THANG	PVD8	86	1	5			73	PVD DD	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THĂNG	PVD8	89	1	7			73	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG KIM SƠN	PVD8	82	1	7			67	PVDO	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	PVD8	84-85	2	15			68	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THÊU	PVD8	90	1	5			78	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD8	91	1	7			59	PVDO	Vietnamese
14	LÊ VĂN HAI	PVD8	87	1	7			81	PVDO	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN KIỂM	PVD8	88	1	8			71	PVDO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	0	0	0	0	0	0	5	1	CHUYỂN T PAX SAVR-PVD8
2	PVD8	15	1.046	19	131	5	42	17		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>1.046</b>	<b>19</b>	<b>131</b>	<b>5</b>	<b>42</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.046</b>		<b>131</b>		<b>42</b>			

GRAND TOAL: 1.219 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - PVD8	CREW: HUNG - NPHU - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/5166	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ DUY AN	P11	73	1	14			119	ANTOAN	Vietnamese
2	PHAN MẠNH CƯỜNG	P11	72	1	4	1	14	85	ANTOAN	Vietnamese
3	VÔ NGỌC PHU	PVD8	35	1	10			68	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NHAN	PVD8	22-23	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HOANG*	PVD8	24-25	2	9			95	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRUNG*	PVD8	29	1	9	3	40	83	PSV	Vietnamese
7	MAI NGUYỄN THÈ PHONG	PVD8	32-33	2	9			85	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH THIN	PVD8	31	1	5			67	PSV	Vietnamese
9	BUI VĂN TUÂN	PVD8	37	1	5			71	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ QUANG ANH	PVD8	36	1	5			76	PVDO	Vietnamese
11	LY A BÌNH	PVD8	34	1	4			63	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOÀN	PVD8	26	1	13			66	PVDWS	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN TÂM	PVD8	27-28	2	15			71	PVDWS	Vietnamese
14	MAI HAI LONG	PVD8	30	1	11			70	D-HANH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	2	204	2	18	1	14	3		
2	PVD8	12	889	16	109	3	40	19		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>1.093</b>	<b>18</b>	<b>127</b>	<b>4</b>	<b>54</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.093</b>		<b>127</b>		<b>54</b>			

GRAND TOAL: 1.274 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: TD5 - P7 - P10	CREW: VTHĂNG - N.ANH - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/5164	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUƠNG MINH KIẾN	TD5	01	1	16	2	53	67	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI XUAN NGOC	TD5	87-88	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGOC TUAN	TD5	94,96	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHANH	TD5	92-93	2	20			52	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN DUÂN	TD5	89	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUAN THĂNG	TD5	300,38	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG TÁT HẠNH	TD5	98-99	2	17	1	17	66	XAYLAP	Vietnamese
8	HUỶNH PHƯƠNG HÙNG	TD5	39-40	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM THANH NAM	TD5	02	1	16	1	14	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	41,42	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH HIẾN	TD5	500,499	2	20			88	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI VĂN PHONG	P7	17-18	2	10			59	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	TRẦN VŨ CA	P7	94-95	2	13			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	P7	97	1	14			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P7	99,400	2	12			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
16	LÊ VIỆT ĐÔNG	P7	14	1	15			59	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
17	DƯƠNG LÊ LẬP	P7	98	1	9			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
18	ĐỖ HỒNG HOÀN	P7	15-16	2	13			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
19	MAI VĂN TOÀN	P7	96	1	6			56	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁC NGUYỄN	P10	13	1	6			74	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG LUẬT	P10	11-12	2	15			79	HA VIỆT	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	11	750	19	186	4	84	1		
2	P7	8	504	12	92	0	0	12		
3	P10	2	153	3	21	0	0	9		
TOTAL		21	1.407	34	299	4	84	22		
WEIGHT KG			1.407		299		84			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THĂNG

NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: VÁNG-3	TO: BK9 - RP1 - RP3	CREW: HÙNG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM25/5167		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VU HUNG	BK9	75	1	5	5	45	82	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHU	BK9	74	1	9			78	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THAO	RP1	85	1	7			79	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH CHÂN	RP1	84	1	5			57	PSV	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC TU	RP3	41-42	2	12			63	PVCHEM	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HOÀ	RP3	46	1	5			92	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	38	1	3			65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VY	RP3	39	1	5			55	PSV	Vietnamese
9	TRẦN THANH HAI	RP3	44	1	3			63	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRUNG (1966)	RP3	43	1	5			67	PSV	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHI	RP3	40	1	5			61	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	45	1	2			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	2	160	2	14	5	45	0		
2	RP1	2	136	2	12	0	0	10		
3	RP3	8	526	9	40	0	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>12</b>	<b>822</b>	<b>13</b>	<b>66</b>	<b>5</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>822</b>		<b>66</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 933 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
PHẠM THÁI SƠN